BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CD BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI GIỮA KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vi mô - M1104001 Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: M110400102 **Số tín chỉ: 2** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100040	Châu Nguyễn Kim	Anh	14/10/1999		5,0	Năm	C19QT1	
2	1710100039	Mohamad	Aziz	14/03/1999		5,0	Năm.	C19QT1	
3	1710100036	Nguyễn Văn	Điền	29/08/1997		5,0	Năm	C19QT1	
4	1710100015	Phan Thị Hồng	Điểm	11/06/1998				C19QT1	
5	1710100018	Lâm Lê Huy	Hoàng	27/08/1999		8,7	tám, bảy	C19QT1	
6	1710100026	Trần Thị Minh	Huệ	26/04/1999				C19QT1	
7	1710100004	Trần Thanh	Liêm	30/12/1999		5,0	Năm.	C19QT1	
8	1710100035	Huỳnh Thị Kim	Loan	10/09/1999		9,0	chín	C19QT1	
9	1710100003	Huỳnh Thị Kiều	Mai	13/03/1999		8,9	tám, chín	C19QT1	
10	1710100030	Ksơr Kpă	Misian	06/06/1995		5,0	Năm	C19QT1	
11	1710100025	Nguyễn Thị Bé	Ngoan	09/06/1998				C19QT1	
12	1710100013	Võ Thị Yến	Nhi	1999		7,9	Bảy, chín	C19QT1	
13	1710100037	Trần Quốc	Nhơn	23/04/1998		5,7	Năm, bảy	C19QT1	
14	1710100016	Đặng Quỳnh	Như	25/12/1999		6,0	sáu	C19QT1	
15	1710100009	Ngô Tấn	Phát	30/07/1998		7,9	Bảy, chín	C19QT1	
16	1710100005	Huỳnh Văn	Phú	26/09/1999		5,0	Năm	C19QT1	
17	1710100022	Trần Thị Thùy	Phương	27/10/1999		7,2	Bảy, hai	C19QT1	
18	1710100033	Đặng Tú	Quyên	30/01/1998		8,0	tám	C19QT1	
19	1710100023	Trịnh Ngọc	Sang	15/10/1999		6,4	sáu, bốn	C19QT1	
20	1710100031	Trần Thị Ngân	Tâm	25/06/1999		5,2	Năm, hai	C19QT1	
21	1710100019	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/03/1999		7,4	Bảy, bốn	C19QT1	
22	1710100034	Đỗ Kim	Thái	18/09/1999		5,0	Năm	C19QT1	
23	1710100029	Trịnh Kim	Thi	11/02/1999		5,0	Năm	C19QT1	
24	1710100006	Nguyễn Thị Xuân	Thu	01/01/1999		8,0	tám	C19QT1	
25	1710100014	Nguyễn Thị Phương	Thủy	03/01/1999		10	Mười	C19QT1	
26	1710100038	Đỗ Thị Thủy	Tiên	09/03/1998		5,7	Năm, bảy	C19QT1	
27	1710100024	Trần Thị Thanh	Trà	01/12/1999		6,0	sáu	C19QT1	
28	1710100010	Lê Thị Thùy	Trắc	18/01/1999		5,6	Năm, sáu	C19QT1	
29	1710100027	Cao Dũ Nhựt	Trường	12/12/1998		5,5	Năm, năm	C19QT1	
30	1710100020	Lý Minh	Tùng	28/03/1997				C19QT1	
31	1710100012	Phan Thị Cẩm	Tú	14/11/1999		8,5	tám, năm	C19QT1	
32	1710100021	Lê Trần Kim	Vân	21/08/1999		7,0	Bảy	C19QT1	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
53	1710100001	Đinh Minh	Vũ	06/05/1998		62	Sáu, hai	C19QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 **vắng thi:** 03 **. Số bài thi/Số tờ:** 30 / 30 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 30 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , % %

Ngày 8 *tháng* 3 *năm* 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày 08 *tháng* 3 *năm* 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

0

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI GIỮA KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vi mô - 1104001 Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: 110400102 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100110	Trần Cao Ngọc	**Bình**	29/04/1998		6,3	Sáu, ba	C18QT	
2	1610100147	Bùi Thanh	**Hòa**	04/03/1998		7,7	Bảy, bảy	C18QT	
3	1610100038	Nguyễn Thị Kim	**Loan**	13/02/1997		5,0	Năm	C18QT	
4	1610100016	Nguyễn Thanh	**Long**	14/07/1998		6,0	Sáu	C18QT	
5	1610100159	Lâm Thúy	**Nhi**	13/05/1998		7,3	Bảy, ba	C18QT	Nợ HP
6	1610100112	Hứa Thị Thu	**Thảo**	22/8/1998				C18QT	Nợ HP

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 5 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi/Số tờ:** 5 / 5 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 5 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 %

Ngày 8 tháng 3 năm 2018
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày 08 tháng 03 năm 2018
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vi mô - M1104001
Mã lớp học phần: M110400102 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa
Ngày thi: 03/05/2018 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: Cao Thế Anh Ký tên:
Giám thị 2: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100040	Châu Nguyễn Kim	Anh	14/10/1999			1,5	Một rưỡi	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
2	1710100039	Mohamad	Aziz	14/03/1999			1,5	Một rưỡi	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
3	1710100036	Nguyễn Văn	Điền	29/08/1997			1,0	Một	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
4	1710100015	Phan Thị Hồng	Điểm	11/06/1998					C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
5	1710100018	Lâm Lê Huy	Hoàng	27/08/1999			9,0	Chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
6	1710100026	Trần Thị Minh	Huệ	26/04/1999					C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
7	1710100064	Quế Thanh	Liêm	30/12/1999			9,0	Chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
8	1710100063	Huỳnh Thị Kim	Loan	10/09/1999			9,0	Chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
9	1710100003	Huỳnh Thị Kiều	Mai	13/03/1999			9,0	Chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
10	1710100030	Ksor Kpă	Misian	06/06/1995			7,0	Bảy	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
11	1710100025	Nguyễn Thị Bé	Ngoan	09/06/1998					C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
12	1710100013	Võ Thị Yến	Nhi	1999			9,0	chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
13	1710100037	Trần Quốc	Nhơn	23/04/1998			3,0	Ba	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
14	1710100016	Đặng Quỳnh	Như	25/12/1999			1,5	Một rưỡi	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
15	1710100009	Ngô Tấn	Phát	30/07/1998			7,0	Bảy	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
16	1710100005	Huỳnh Văn	Phú	26/09/1999			7,0	Bảy	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
17	1710100022	Trần Thị Thùy	Phương	27/10/1999			8,5	Tám rưỡi	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
18	1710100033	Đặng Tú	Quyên	30/01/1998			5,5	Năm rưỡi	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
19	1710100023	Trịnh Ngọc	Sang	15/10/1999			1,0	Một	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
20	1710100031	Trần Thị Ngân	Tâm	25/06/1999			4,0	Bốn	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
21	1710100019	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/03/1999			9,0	Chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
22	1710100034	Đỗ Kim	Thái	18/09/1999			6,5	Sáu rưỡi	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
23	1710100029	Trịnh Kim	Thi	11/02/1999			5,0	Năm	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
24	1710100006	Nguyễn Thị Xuân	Thu	01/01/1999			10	Mười	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
25	1710100014	Nguyễn Thị Phương	Thùy	03/01/1999			9,0	Chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
26	1710100038	Đỗ Thị Thủy	Tiên	09/03/1998			3,0	Ba	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
27	1710100024	Trần Thị Thanh	Trà	01/12/1999			7,0	Bảy	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
28	1710100010	Lê Thị Thủy	Trắc	18/01/1999			9,0	Chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
29	1710100027	Cao Dũ Nhựt	Trường	12/12/1998			6,0	Sáu	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
30	1710100020	Lý Minh	Tùng	28/03/1997					C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
31	1710100012	Phan Thị Cẩm	Tú	14/11/1999			9,0	Chín	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP
32	1710100021	Lê Trần Kim	Vân	21/08/1999			6,0	Sáu	C19QT1	KĐĐK, Nợ HP

G CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG
O THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

Lưu ý: - *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- *Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.*

Tổng số sinh viên dự thi : 28 **vắng thi:** 5 **. Số bài thi/Số tờ:** 28 / 28 .

Số sinh viên đạt: 19 **Tỷ lệ đạt:** 68 %

Ngày 14 *tháng* 5 *năm* 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Anh

Ngày 14 *tháng* 5 *năm* 2018.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

TRƯỜ

KHẢ

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kinh tế vi mô - 1104001
Mã lớp học phần: 110400102 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa
Ngày thi: 03/05/2018 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: Cao Thế Danh Ký tên:
Giám thị 2: Châu Lê Sơn Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100110	Trần Cao Ngọc	**Bình**	29/04/1998		2	8,5	tám rưỡi	C18QT	
2	1610100147	Bùi Thanh	**Hòa**	04/03/1998	Hòa.	2	9,5	chín rưỡi	C18QT	
3	1610100038	Nguyễn Thị Kim	**Loan**	13/02/1997		1	6,5	sáu rưỡi	C18QT	
4	1610100016	Nguyễn Thanh	**Long**	14/07/1998			5,5	Năm rưỡi	C18QT	
5	1610100159	Lâm Thúy	**Nhi**	13/05/1998		1	7,0	Bảy	C18QT	-
6	1610100112	Hứa Thị Thu	**Thảo**	22/8/1998	/				C18QT	Nợ HP

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 5 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi/Số tờ:** 5 / 5 .

Số sinh viên đạt: 5 **Tỷ lệ đạt:** 100 %

Ngày 14 tháng 5 năm 2018
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ánh

Ngày 14 tháng 5 năm 2018
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.